

BÁO CÁO/ REPORT

Về kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 và kế hoạch năm 2021 *Re. The result of implementing Resolutions of the General Meeting of Shareholders in 2020 and plan in 2021*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

To: Annual general meeting of shareholders in 2021.

Công ty CP thép Việt - Ý báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau/ Vietnam-Italy Steel JSC would like to report the results of the production and business activities in 2020 and the plan in 2021, as follows:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020/ THE RESULTS IN 2020:

TT/ No	Chỉ tiêu/ Content	Năm 2020/ In 2020			Năm 2019/ In 2019
		KH/Plan	Kết quả/ Result	Tỉ lệ/ Rate (%)	
1	Sản xuất (tấn)/ Production (ton)				
	- Phôi/ Billet	329,550	351,174	107%	345,659
	+ Tự sản xuất/Production	329,550	342,556	104%	239,311
	+ Mua ngoài/ Trade		8,618		106,348
	- Thép/Steel	322,300	325,072	101%	336,626
	+ Tự sản xuất/Production	322,300	305,379	95%	299,578
	+ Gia công + mua ngoài/OEM & trade		19,693		37,048
2	Tiêu thụ (tấn)/ Sales (ton)				
	- Phôi/ Billet	-	44,318		46,780
	+ Phôi bán ngoài / outside Billet		25,887		13,822
	+ Phôi OEM /OEM Billet		18,431		32,958
	- Thép/ Steel	322,300	327,667	102%	335,427
3	Giá trị SXCN (tỷ đồng)/ Value of the industry production (billion VND)	3,998	4,366	109%	5,064
4	Doanh thu (tỷ đồng)/ Revenue (billion VND)	3,634	4,062	112%	4,593
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)/ Profit before taxes (billion VND)	(65.57)	22.52		(213.67)
6	Đầu tư (tỷ đồng)/ Investment (billion VND)	47.7	32.84	69%	65.10
7	Số lao động bình quân (người)/ Average labor force (person)	744	714	96%	794

TT/ No	Chỉ tiêu/ Content	Năm 2020/ In 2020			Năm 2019/ In 2019
		KH/Plan	Kết quả/ Result	Tỉ lệ/ Rate (%)	
8	Thu nhập bq tháng (tr.đ/ng) (Monthly Average income (Million VND/person))	12.41	13.33	107%	12.47

1. Đánh giá chung/ General Evaluation:

- 2020 là một năm thế giới trải qua rất nhiều biến động. Đại dịch Covid-19 xuất hiện từ cuối năm 2019 đã gây ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả các quốc gia trên thế giới, và hiện vẫn đang tiếp tục diễn biến phức tạp. Kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái trầm trọng nhất kể từ sau thế chiến thứ 2, kinh tế Việt Nam cũng chịu tác động không nhỏ từ đại dịch Covid-19.

The 2020 is a year the world undergoes a lot of changes. The Covid-19 pandemic that appeared from the end of 2019 has affected all countries in the world comprehensively and extensively, and is still continuing to develop complicatedly. The global economy fell into the worst recession since World War II, the Vietnamese economy was also significantly affected by the Covid-19 pandemic.

- Cùng với khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động SXKD của Thép Việt - Ý cũng trải qua một năm đầy biến động. Sau khi ghi nhận số lỗ lũy kế kỷ lục qua 2 năm tài chính liên tiếp, VIS bước vào năm 2020 với một tâm lý đáng lo ngại khi kế hoạch SXKD của năm được đại hội đồng cổ đông thông qua tiếp tục dự báo lỗ. Phải làm thế nào để SXKD có hiệu quả? Câu hỏi đó luôn là mối băn khoăn trăn trở của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty.

Along with the general difficulties of the economy, the Vietnam - Italy steel production and business activities also experienced a turbulent year. After recording a record cumulative loss over 2 consecutive financial years, VIS entered 2020 with a worrying sentiment when the business plan of the year approved by the general meeting of shareholders continues to forecast losses. How to do business effectively? That question is always the concern of the Board of Managements and the Board of Directors of the company.

- Qua 4 tháng đầu năm, hoạt động SXKD của VIS tiếp tục không có hiệu quả. Từ tháng 5/2020, sau nhiều nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty, những giải pháp cho sản xuất và kinh doanh được triển khai thực hiện, kết hợp với công tác phòng chống dịch Covid 19 của Chính Phủ Việt Nam thu được những kết quả rất tốt, hoạt động SXKD của VIS đã liên tiếp thu được lợi nhuận.

Through the first 4 months of the year, production and business activities of VIS continued to be ineffective. Since May 2020, after many efforts of the Board of Directors, solutions for production and business have been implemented, combined with Covid 19 epidemic prevention of the Government of Vietnam. The result is very good, the business activities of VIS have continuously gained profits.

- Kết quả kinh doanh trong năm 2020: Doanh thu là 4.062 tỷ đồng, đạt 112% so với kế hoạch năm, và bằng 118% so với cùng kỳ năm 2019; Lãi trước thuế 22,5 tỷ đồng. Lãi sau thuế 29,98 tỷ đồng.

In 2020, the revenue was VND 4,062 billion, reaching 112% of the annual plan, and equaling 118% compared to the same period in 2019. The result of a pre-tax profit was VND 22.5 billion. Profit after tax was VND 29.98 billion.

- Nộp ngân sách Nhà nước năm 2020 là 256,2 tỷ đồng, tăng 29,9% so với năm 2019 (197,2 tỷ đồng)

Paying to State budget in 2020 were 256.2 billion vnd, increased 31% comparing to 2019 (197.2 billion vnd).

2. Công tác tổ chức, tiền lương/ *Organization and salary:*

- Với mục tiêu xây dựng một đội ngũ nhân sự năng động và chuyên nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của một doanh nghiệp toàn cầu, ngay từ những tháng đầu năm công ty đã tiến hành cải tổ bộ máy quản lý, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, giải thể hoặc sáp nhập một số đơn vị phòng ban, triển khai chương trình giảm biên tự nguyện đối với khối gián tiếp và phục vụ. Kết quả sau khi kết thúc chương trình, năng suất lao động tăng lên rõ rệt. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý mới đã từng bước bắt kịp và nhanh chóng hòa cùng vào dòng chảy hoạt động SXKD của Công ty.

With the goal of building a team of dynamic and professional personnel, meeting the requirements of a global enterprise, right from the first months of the year, the company has reformed its management apparatus and rearranged organizational structure, dissolve or merge a number of divisions and departments, implement a voluntary demographic reduction program for indirect and serving sectors. The results after ending the program, labor productivity increased markedly. New organizational structure and management apparatus have gradually caught up and quickly joined the flow of production and business activities of the Company.

Tình hình nhân sự của công ty/ *The human resource situation of VIS:*

Thời điểm/ Time	Total	Bộ phận KD/ Sale dept.	Nhân sự của các đơn vị Hưng Yên/ <i>Human resource in Hung Yen</i>					Nhân sự của các đơn vị Hải Phòng/ <i>Human resource in Hai Phong</i>				
			Hung Yen	Indirect dept.	Direct Dept.	Product ion service Dept.	Admini strative service Dept.	Hai Phon g	Indire ct dept.	Direct Dept.	Product ion service Dept.	Admi nist rative servic e Dept.
01/01/2020	774	18 2.3%	319 41.2%	66 8.5%	171 22.1%	46 5.9%	36 4.7%	437 56.5%	27 3.5%	335 43.3%	40 5.2%	35 4.5%
31/12/2020	694	15 2.2%	274 39.4%	44 6.3%	148 21.3%	59 8.5%	23 3.3%	405 58.4%	18 2.6%	322 46.4%	41 5.9%	24 3.5%
Tăng(+)/giảm(-)/ Increase(+)/ Reduce(-)	-80	-3	-45	-22	-23	13	-13	-32	-9	-13	1	-11

Tổng số CBCNV tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 694 người, giảm 80 người so với thời điểm 01/01/2020, trong đó tại Hải Phòng giảm 32 người (khởi trực tiếp giảm 13 người) và tại Hưng Yên giảm 45 người (khởi trực tiếp giảm 23 người).

The total number of employees as of December 31, 2020 was 694 people, decreased 80 people compared to January 1, 2020, of which, in Hai Phong decreased 32 people (direct group decreased by 13) and in Hung Yen decreased 45 people (direct group reduced by 23)).

- Thu nhập năm 2020 là 13.33 triệu đồng/người/tháng tăng 7% so với kế hoạch và tăng 7% so với năm 2019.

Monthly average income in 2020 were 13.33 million VND/person/month, increased 7% comparing to the plan and increased 7% comparing to 2019.

- Chế độ chính sách cho người lao động Công ty thực hiện đầy đủ và kịp thời
Regarding policies of employees, VIS fully and timely implemented.

- Công ty đã xây dựng được hệ thống thang bảng lương, đã đăng ký với Phòng Lao động Thương binh Xã hội Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên, và chính thức áp dụng từ 1/10/2020.

The company has built a salary system, registered with the Department of Labor of Yen My District, Hung Yen province, and officially applied it from October 1, 2020.

- Từ tháng 11/2020 Công ty đã áp dụng chế độ làm việc theo 4kip cho bộ phận lao động trực tiếp tại hai nhà máy Hưng Yên và Hải Phòng.

From November 2020, the Company has applied the working regime of 4 shift to the direct labor departments at two factories, Hung Yen and Hai Phong.

3. Công tác tiêu thụ/ Sales:

3.1. Tiêu thụ thép/ Steel Sales:

- Khối lượng tiêu thụ năm 2020 đạt 327.667 tấn, đạt 102% kế hoạch, bằng 98% so với năm 2019.

The quantity of sales steel in 2020 were 327.667 tons, reached 102% of the plan, equipvalent to 98% comparing to the same period in 2019.

- Do nhà máy cán đã hoạt động hết công suất, để có đủ sản phẩm cung cấp ra thị trường đáp ứng nhu cầu khách hàng, Công ty đã tiến hành hoạt động OEM thép tại các nhà máy KSVC và Thái Trung. Khối lượng thép OEM trong năm 2020 là 19.693 tấn.

Because the rolling mill is operating at full capacity, in order to have enough products to supply to the market to meet the needs of customers, the Company has conducted steel OEM activities at KSVC and Thai Trung factories. The volume of OEM steel in 2020 is 19,693 tons.

- Với mục tiêu không quá phụ thuộc vào bất cứ 1 nhà phân phối nào, đồng thời làm giảm thiểu những rủi ro trong quá trình kinh doanh, Công ty đã tìm kiếm một số nhà

phân phối có tiềm lực tài chính, có uy tín trong kinh doanh để tiến hành hợp tác trong kinh doanh. Tỷ trọng tiêu thụ sản phẩm VIS đã dần dần được chuyển dịch từ các nhà phân phối chính trước đây sang một số nhà phân phối mới.

With the goal of not being too dependent on any one distributor, at the same time reducing risks in the business process, the Company has looked for some reputable and financially potential distributors in business to conduct business cooperation. The share of VIS product consumption has been gradually shifted from major distributors to some new distributors.

- Thị phần: Trong năm 2020 thị phần của VIS tiếp tục tăng lên, chiếm 6,9% thị trường Miền Bắc.

Market share: In 2020, VIS's market share continued to increase, accounting for 6.9% of the Northern market.

3.2. Tiêu thụ phôi/ Billet Sales:

- Trong năm 2020 thị trường phôi thép xuất hiện các yếu tố thuận lợi, giá phôi thép liên tục duy trì ở mức cao, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kinh doanh phôi thép. Sản lượng phôi thép bán ra bên ngoài đã gia tăng đáng kể so với các năm trước.

In 2020, the billet market appears favorable factors, steel billet price is continuously maintained at a high level, creating favorable conditions for steel billet business. The volume of billet sold to the outside increased compared to previous years.

- Khối lượng phôi bán ngoài đạt 25.887 tấn; Khối lượng phôi cung cấp cho hoạt động OEM thép là 18.431 tấn.

The volume of billet sold in 2020 reached 25,887 tons; Billet volume provided for steel OEM activities is 18,431 tons.

- Việc gia tăng sản lượng phôi bán ngoài và phôi cho hoạt động OEM đã góp phần làm giảm chi phí sản xuất trên 1/TSP, tạo điều kiện cho sản phẩm phôi VIS có thể cạnh tranh về giá với các sản phẩm cùng loại khác trên thị trường.

The increase in the output of billet for external market and billet for OEM activities has reduced production costs per 1 tons of products, enabling VIS billets to be price competitive with other similar products on the market.

4. Công tác sản xuất/ Production:

4.1. Sản xuất phôi/ Billet production:

- Khối lượng sản xuất năm 2020 đạt 342.556 tấn, đạt 104% kế hoạch, 143% so với cùng kỳ năm 2019.

The production in 2020 achieved 342,556 tons, reached 104% of the plan, 143% comparing with the same period of 2019.

- Tiêu hao một số nguyên vật liệu chính năm 2020.

Some main consumables in 2020:

TT /No.	Tiêu hao/ <i>Consumption</i>	In 2019	In 2020		
			Mục tiêu/ <i>Target</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
1	Yield ratio (%)	91.07	92.30	90.12	-2.18
2	Mn ₆₅ Si ₁₆ , Mn ₆₅ Si ₁₇ (kg/ ton)	12.06	10.05	11.01	0.96
3	FeSi ₇₂ , FeSi ₆₈ , FeSi ₇₄ (kg/ ton)	1.92	1.25	2.29	1.04
4	Than điện cực F400/ <i>Graphite electrode F400</i> (kg/ ton)	0.55	0.56	0.55	-0.01
5	Than điện cực F550/ <i>Graphite electrode F550</i> (kg/ ton)	1.07	1.20	1.02	-0.18
6	Điện/ <i>Electricity</i> (kwh/ ton)	506.67	509.68	516.55	6.87

- Chất lượng phôi: Tỷ lệ phôi loại 2 và phôi phế là: 5.761 tấn chiếm 1.68% sản lượng sản xuất, tăng 0.67% so với năm 2019.

Quality of billets: Rate of grade 2 billet and scrap: 5,761 tons, accounting for 1.68% of production output, up 0.67% compared to 2019

4.2. Sản xuất thép/ *Steel production:*

- Tổng khối lượng sản xuất thép trong năm 2020 là 305.379 tấn đạt 95% kế hoạch, tăng 2% so với năm 2019.

Total steel production volume in 2020 is 305,379 tons, reaching 95% of the plan, increasing up 2% over in 2019.

Một số chỉ tiêu tiêu hao trong năm 2020/ *The results of 2020:*

TT /No.	Tiêu hao/ <i>Consumption</i>	In 2019	In 2020		
			Mục tiêu/ <i>Target</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
1	Tỷ lệ thu hồi/ <i>Yield ratio</i> (%)	97.79	97.85	97.18	-0.67
2	Than/ <i>Coal</i> (kg/ ton)	70.55	70.83	73.56	2.73
3	Điện/ <i>Electricity</i> (kwh/ ton)	99.66	100.83	102.04	1.21
4	Hiệu suất thiết bị (%)/ <i>Operation ratio</i> (%)	86.84	86.93	87.02	0.09
5	Năng suất bình quân (tấn/h)/ <i>Productivity</i> (tons/h)	45.17	46.53	45.93	-0.60
6	Tỷ lệ phôi phế/ <i>Miss roll ratio</i> (%)	0.059	0.055	0.079	0.024

- Về chất lượng sản phẩm thép VIS: Trong năm 2020 sản phẩm loại 2 và sản phẩm lưu ý là 3.705 tấn chiếm 1.21% sản lượng sản xuất, tăng 0.29% so với năm 2019 (Năm 2019: 0.93%).

Regarding VIS product quality: In 2020, grade 2 products and products which has slight defects were 3,705 tons, accounting for 1.21% of production output, up 0.29% over in 2019 (In 2019: 0.93%).

- Trong năm 2020 không phát sinh khiếu nại về chất lượng sản phẩm thép VIS; Có một số phàn nàn của khách hàng đã được phòng Kinh doanh phối hợp với bộ phận quản lý chất lượng giải quyết một cách nhanh chóng.

In 2020, no claims about the quality of VIS steel products will arise; Some customer complaints have been resolved quickly by the Sales department in conjunction with quality control.

5. An toàn/ Safety:

□ Tại Nhà máy cán Hưng Yên/ At Hung Yen Rolling factory:

- Đầu năm 2020 công tác an toàn tại nhà máy cán Hưng Yên được thực hiện tương đối tốt. Nhưng vào những tháng cuối năm lại liên tiếp xảy ra một số vụ tai nạn, phát sinh ở những thao tác cơ bản. Điều này chứng tỏ vẫn còn tồn tại tâm lý chủ quan của người lao động trong việc thực hiện các biện pháp an toàn trong khi làm việc.

In early 2020, safety work at the Hung Yen rolling mill was performed relatively well. But in the last months of the year, there were a number of consecutive accidents, arising from basic operations. This proves that there is still a subjective mentality of workers in the implementation of safety measures at work.

- Số ngày an toàn lũy kế đến 31/12/2020 là 34 ngày.

The cumulative number of safe days up to December 31, 2020 is 34 days.

- Hoạt động vệ sinh lao động 5S trong năm 2020 chưa tốt. Ý thức thực hiện 5S của người lao động chưa cao. Chất thải, rác thải chưa được phân loại theo hướng dẫn. Xung quanh nhà máy còn rất nhiều rác thải

The 5S activity in 2020 is not good. Employees' awareness of 5S implementation is not high. Waste and garbage have not been classified according to the instructions. Around the factory, there is still a lot of waste.

□ Tại Nhà máy Hải Phòng/ At Hai Phong factory:

- Trong năm 2020, nhà máy Hải Phòng để xảy ra 06 vụ tai nạn lao động trong đó: 02 vụ tai nạn lao động nhẹ xảy ra bên ngoài nhà máy (tai nạn khi tham gia giao thông); 04 vụ tai nạn xảy ra tại nhà máy: Có 02 vụ tai nạn không nghỉ làm và 02 vụ tai nạn nghỉ làm.

In 2020, the Hai Phong factory occurred 6 occupational injuries, in which 2 cases were minor that happened outside the factory (the incidents occurred while they were in traffic); 04 cases occurred in the factory including 02 cases taking days-off and the others not taking days-off.

- Công tác tuần tra, phát hiện mối nguy tiềm ẩn được nâng cao.

The patrol and detection of potential hazards has been enhanced.

- Số ngày an toàn đến 31/12/2020 là 177 ngày

As of Dec 31st 2020, the safety days are 177.

□ **Các giải pháp đã triển khai / Solutions implemented:**

Để thay đổi những thói quen không tốt của người lao động trong công tác vệ sinh lao động, đồng thời nâng cao nhận thức, ý thức kỷ luật của người lao động trong công tác An toàn, vệ sinh lao động, trong năm 2020 công ty đã triển khai các hoạt động như:

To change the employee's bad habits in occupational health, and at the same time raise awareness and discipline of employees in occupational safety and sanitation, in 2020 the company has implemented activities such as:

+ Duy trì các buổi tuần tra lớn, tổ chức tổng kết công tác ATVSV qua các buổi họp ATVSV hàng tháng./ *Maintaining large patrols, organizing review of occupational safety and health through monthly safety meetings.*

+ Hàng tháng tổ chức các lớp học đào tạo an toàn cho khối lao động trực tiếp/ *Organize monthly safety training classes for direct workers*

+ Tổ chức các buổi lao động, dọn vệ sinh tập thể trong toàn Công ty./ *Organizing collective labor sessions, cleaning up, picking up trash throughout the Company*

Các hoạt động nêu trên đã từng bước nâng cao ý thức của người lao động về An toàn lao động; qua đó trang bị cho người lao động những kiến thức nhằm nhận biết được những mối nguy hiểm trong lao động; Yêu cầu người lao động phải thực hiện đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động

The above-mentioned activities have gradually raised employees' awareness of occupational safety; thereby equipping workers with knowledge in order to recognize the dangers in labor; Employees are required to fully implement protective equipment

6. Công tác đầu tư/ Investment:

Trong năm 2020, tổng giá trị đầu tư đã thực hiện là 32,84 tỷ đồng. Trong đó:

In 2020, the total amount of implemented investment is VND 32.84 billion. Of which:

+ Tại Hải phòng/ *Haiphong Factory: 10.15 tỷ đồng/ 10.15 bil VND.*

+ Tại Hưng Yên/ *HungYen Factory: 22.69 tỷ đồng/ 22.69 bil VND.*

Cụ thể/ *Details:*

□ Giá trị thực hiện theo kế hoạch năm 2020 là 28,2 tỷ đồng./ *Implementation value of the 2020 plan was 28.2 billion vnd.*

□ Giá trị thực hiện theo kế hoạch năm 2019 chuyển sang là 4,43 tỷ đồng./ *Implementation value carried over from the 2019 plan was 4.43 billion vnd.*

□ Các hạng mục phát sinh ngoài so với kế hoạch là 212 triệu đồng./ *Items arising outside the plan was 212 million vnd.*

II. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH NĂM 2021/ *THE SITUATION IN 2021:*

1. Thuận lợi/ *Advantages:*

- Tiếp nối các yếu tố thuận lợi từ năm 2020 mang sang, năm 2021 thị trường thép Việt nam được dự báo sẽ tiếp tục bứt phá nhờ hưởng lợi từ việc đẩy mạnh đầu tư công cũng như thị trường bất động sản nhà ở có thể nóng trở lại.

Following the favorable factors brought by 2020, Vietnam steel market is forecasted to continue to make a breakthrough in 2021 thanks to the benefits from the promotion of public investment as well as the residential real estate market may heat up again

- Trước những thành công của Việt Nam trong việc kiểm soát tốt dịch bệnh, kết hợp với các chính sách thu hút đầu tư của Chính phủ, dự báo trong thời gian tới sẽ có nhiều Công ty, Tập đoàn nước ngoài lựa chọn Việt nam là nơi đặt các trung tâm, nhà máy sản xuất. Nhu cầu về đầu tư nhà xưởng các khu công nghiệp tăng lên. Đây sẽ là những cơ hội lớn thúc đẩy thị trường thép phát triển.

Facing Vietnam's successes in controlling the epidemic well, combined with the Government's investment attraction policies, it is forecasted that there will be many foreign companies and corporations in the coming time choose Vietnam as the location of production centers and factories. The demand for factory investment in industrial zones has increased. These will be great opportunities to boost the development of the steel market.

- Việc thực thi các Hiệp định thương mại tự do (FTA) được kỳ vọng sẽ tạo ra nhiều cơ hội để ngành thép Việt Nam thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu ra các thị trường mới.

The implementation of Free Trade Agreements (FTA) is expected to create many opportunities for the Vietnamese steel industry to boost production and export to new markets.

- Chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác, tiếp tục được Chính phủ duy trì áp dụng nhằm kiểm soát lạm phát; duy trì ổn định vĩ mô, thị trường, hỗ trợ phục hồi nhanh kinh tế trong nước.

An active and flexible monetary policy, in harmony with the fiscal policy and other macroeconomic policies, continued to be maintained by the Government to control

inflation; maintain macro and market stability, support the rapid recovery of the domestic economy.

- Với lợi thế về sản xuất các sản phẩm thép chất lượng cao, cùng với sự ủng hộ, tin tưởng của Chủ đầu tư các dự án lớn và các NPP có tiềm lực tài chính, sẽ tiếp tục là các yếu tố chủ đạo để VIS giữ vững và gia tăng thị phần.

With the advantage of manufacturing high quality steel products, along with the support and trust of the investors of large projects and Distributors with financial potential, will continue to be the key factors for VIS maintained and increased market share.

- Các chi phí vật liệu cho sản xuất phôi (như than điện cực) đang duy trì ổn định ở mức hợp lý, tạo điều kiện làm cho sản phẩm phôi VIS có thể cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại khác trên thị trường.

The material costs for billet production (such as Graphite electrode) are being maintained at a reasonable level, enabling VIS billets to be competitive with other similar products on the market.

- VIS có cơ hội được tiếp cận với nguồn hạn mức tín dụng dồi dào, lãi suất thấp, thời hạn trả nợ phù hợp, đáp ứng được nhu cầu sử dụng vốn của hoạt động SXKD.

The company has access to abundant credit limits, low interest rates, appropriate repayment period, meeting the capital use needs of production and business activities.

2. Khó khăn/ Difficulties:

- Ngành thép luôn đối diện với nguy cơ khủng hoảng thừa, nếu chiến lược phát triển ngành không được hoạch định một cách đồng bộ

The steel industry always faces the risk of fluctuation of demand and supply of the steel market, if the industry development strategy is not planned synchronously.

- Ngành thép đang phải đối diện với hàng loạt các rào cản phi thuế quan khi bước chân ra thị trường thế giới. Nhiều doanh nghiệp đối mặt với các nguy cơ liên quan đến các vụ kiện phòng vệ thương mại.

The steel industry is facing a series of non-tariff barriers when entering the world market. Many businesses face the risk of a trade defense lawsuit.

- Hậu Covid 19 nhiều doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn, nguy cơ phát sinh các khoản công nợ quá hạn, nợ xấu, nợ khó đòi do khách hàng không có khả năng trả nợ sẽ tăng cao.

After Covid 19, many enterprises fell into difficult situations, the risk of overdue debts and bad debts due to their inability to pay debts will increase.

- Chính sách bán hàng chậm trả tăng, dẫn đến kết quả thu hồi vốn chậm, sẽ làm gia tăng áp lực trả nợ vay ngân hàng đồng thời làm giảm hiệu quả SXKD.

The increase in the sales policy on deferred payment leading to slow capital recovery will increase pressure on bank debt repayment, at the same time reducing business efficiency.

- Hệ thống phân phối chưa ổn định, một số NPP có xu hướng giảm tỷ lệ VIS và sử dụng các sản phẩm khác (VJS, VGS).

Distributors system is not stable, some distributors changed to reduce VIS sales quantity and using other product (VJS, VGS).

- Công suất nhà máy hạn chế nên đôi khi không đủ chủng loại hàng tồn kho. / *The factory capacity is limited, so sometimes there is not enough inventory.*

- Hệ thống kho bãi hẹp, giảm năng suất trong công tác xuất hàng.

Narrow warehouse system has affected to delivery productivity.

- Dây chuyền máy móc thiết bị đã được đầu tư và hết thời hạn khấu hao trong nhiều năm, đòi hỏi cần phải sửa chữa bảo dưỡng, đầu tư nâng cấp với giá trị lớn. Điều này có khả năng sẽ làm tăng chi phí sản xuất và giảm hiệu suất sử dụng thiết bị trong năm tới.

The machinery and equipment line has been invested and its depreciation period has expired for many years, requiring repair, maintenance, investment to upgrade with great value. This may increase production costs and reduce operating ratio of the equipment in the next year.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2021/ PRODUCTION AND BUSINESS PLAN IN 2021:

TT/ No	Chỉ tiêu/ Content	Thực hiện năm 2020/ Results 2020	Kế hoạch năm 2021/ Plan 2021	Tỷ lệ/ Rate (%)
1	Sản xuất (tấn)/ Production (ton)			
	- Phôi/ Billet	351,174	377,775	108%
	+ Tự sản xuất/Production	342,556	377,775	110%
	+ Mua ngoài/ Buying outside	8,618		
	- Thép/Steel	325,072	322,040	99%
	+ Tự sản xuất/Production	305,379	322,040	105%
	+ Gia công + mua ngoài/OEM & buying outside	19,693		
2	Tiêu thụ (tấn)/ Sales (ton)			
	- Phôi/Billet	44,318	45,000	102%
	- Thép/Steel	327,667	322,000	98%
3	Giá trị SXCN (tỷ đồng)/ Value of the industry production (billion VND)	4,366	5,130	117%
4	Doanh thu (tỷ đồng)/ Revenue (billion VND)	4,062	4,588	113%
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)/ Profit before taxes (billion VND)	22.52	28.17	125%

TT/ No	Chỉ tiêu/ Content	Thực hiện năm 2020/ Results 2020	Kế hoạch năm 2021/ Plan 2021	Tỷ lệ/ Rate (%)
6	Đầu tư (tỷ đồng)/ <i>Investment (billion VND)</i>	32.84	153.67	468%
7	Số lao động bình quân (người)/ <i>Average labor force (person)</i>	714	720	101%
8	Thu nhập bq tháng (tr.đồng/ng) (<i>Monthly average income (Million VND/person)</i>)	13.33	13.14	99%

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021/ *SOLOUTIONS TO IMPLEMENT THE PRODUCTION AND BUSINESS PLAN IN 2021:*

1. Giải pháp quản trị nguồn nhân lực/ *Human resource management solutions*

Nhân sự là yếu tố vô cùng quan trọng trong việc quyết định kết quả hoạt động SXKD. Để có thể thực hiện tốt kế hoạch SXKD đã đề ra chúng ta cần phải thực hiện một số giải pháp về quản trị nguồn nhân lực như sau:

Personnel is a very important factor in deciding the results of production and business activities. In order to perform well the business plan, we need to implement some human resources management solutions as follows:

1.1 Ổn định và duy trì nguồn nhân lực hiện có/ *Stabilize and maintain existing human resources:*

+ Hoàn thiện các quy chế, chính sách hiện đang áp dụng; Đảm bảo công bằng và hợp lý trong chi trả lương cho người lao động, để thu hút nguồn lực bên ngoài và giữ chân nguồn lực bên trong;

Completing the regulations and policies currently being applied; Ensure fair and reasonable in salary payment for employees, to attract external resources and retain internal resources.

+ Cải thiện môi trường làm việc; Tiến hành đánh giá năng lực của từng nhân viên theo định kỳ; Sắp xếp và ổn định lại nhân sự, đảm bảo bố trí nhân sự đúng người, đúng việc;

Improved working environment; Conducting periodic performance assessment of each employee; Rearranging and stabilizing personnel, ensuring the right staffing, right job

1.2 Thu hút, phát triển nguồn nhân lực/ *Attracting and developing human resources:*

+ Thực hiện các chính sách đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng hợp lý để tạo điều kiện gắn bó lâu dài của nhân viên với công ty;

Implement reasonable remuneration, welfare and bonus policies to facilitate the employee's long-term attachment to the company.

+ Tạo ra môi trường làm việc năng động, thân thiện. Bổ sung các chính sách đề bạt - thăng tiến cho nhân viên xuất sắc.

Create a dynamic and friendly working environment. Supplementing promotion policies for excellent employees.

+ Phối hợp với các cơ sở giáo dục như các trường đại học, trung tâm đào tạo để tìm kiếm các ứng cử viên có năng lực để tuyển dụng.

Coordinate with educational institutions such as universities, training centers to find qualified candidates to recruit.

+ Xây dựng các chính sách nhân sự hợp lý, năng động để có thể thu hút được nhiều nhân tài từ các nơi khác về phục vụ cho công ty.

Develop dynamic and reasonable personnel policies to attract many talents from other places to serve the company.

2 Giải pháp quản trị cung ứng nguyên vật liệu/ Management of supplying raw materials solution

Để đảm bảo cung ứng đầy đủ, đúng chủng loại, số lượng và chất lượng nguyên vật liệu cần thiết cho quá trình sản xuất với chi phí kinh doanh tối thiểu, chúng ta cần phải thực hiện một số giải pháp cho công tác mua hàng và quản lý hàng tồn kho như sau:

In order to ensure adequate supply, the right type, quantity and quality of raw materials needed for the production process with minimal business costs, we need to implement a number of solutions for purchasing. and inventory management as follows:

2.1 Đối với công tác thu mua phế liệu/ For scrap purchase:

+ Tìm thêm nhà cung cấp mới, đa dạng hóa hệ thống nhà cung cấp, tăng tính cạnh tranh về giá cả, đảm bảo chất lượng hàng hóa.

Find more new suppliers, diversify the supplier system, increase price competitiveness, and ensure product quality.

+ Sàng lọc hệ thống các nhà cung cấp hiện có, loại bỏ các nhà cung cấp không đảm bảo chất lượng theo hợp đồng

Screen existing suppliers, eliminate suppliers who are not of contract quality

2.2 Đối với than điện cực/ For graphite electrode:

+ Tìm kiếm nguồn cung cấp giá rẻ, đảm bảo chất lượng/ Seeking cheap source with quality assurance.

+ Tìm thêm nhiều nhà cung cấp để tăng tính cạnh tranh về giá cả và chất lượng.

Find more suppliers to increase price and quality edge

+ Gắn các chỉ tiêu tiêu hao vào điều khoản hợp đồng ký kết, nhằm tăng trách nhiệm của nhà cung cấp, hạn chế rủi ro cho Công ty.

Attach the consumable items to the contractual terms to sign, in order to increase the supplier's liability and limit risks for the Company

2.3 Đối với hợp kim và các nguyên vật liệu khác: / For alloys and other materials:

Khai thác thêm từ các nguồn cung cấp khác (nhập khẩu hoặc trong nước) nhằm tăng tính cạnh tranh về giá cả và chất lượng.

Exploiting from other sources (imported or domestic) to increase price and quality competitiveness

2.4 Đối với công tác quản lý hàng tồn kho/ For inventory management

+ Đối với các loại nguyên vật liệu chủ yếu: Cần phải xây dựng mục tiêu dự trữ hàng tồn kho hợp lý (mức tồn kho tối đa, tối thiểu). Căn cứ vào kế hoạch sản xuất lập kế hoạch đặt hàng sao cho phù hợp với lượng hàng tồn kho mục tiêu đã thiết lập.

For the main types of raw materials: It is necessary to set up a reasonable inventory reserve goal (maximum and minimum inventory level). Based on the production plan, plan the order to match the inventory target have been set.

+ Đối với những chủng loại nguyên vật liệu, vật tư phụ tùng có nhu cầu sử dụng thường xuyên nhưng có sẵn trên thị trường, giá cả tương đối ổn định thì không cần thiết phải dự trữ tồn kho. VIS sẽ ký hợp đồng nguyên tắc sau đó sẽ đặt hàng từng lần khi có nhu cầu sử dụng.

For types of raw materials, supplies and spare parts that have regular use demands but are available on the market with relatively stable prices, there is no need to reserve inventory. VIS will sign the contract in principle and then order each time when there is a need for it

+ Đối với những chủng loại nguyên vật liệu, vật tư chuyên dùng có tính chất khan hiếm và thời gian mua hàng tương đối dài, VIS phải thiết lập nguồn cung cấp ổn định và đặt mua và dự trữ với mức cao hơn bình thường để đảm bảo độ an toàn, tránh rủi ro.

For special types of materials and supplies that are scarce and have a relatively long buying time, VIS must establish a stable supply and order and stockpile at a higher than normal rate to ensure that safety guarantee, avoid risks

+ Tạo mối quan hệ với các nhà cung ứng ở trong và ngoài nước trong lĩnh vực thiết bị sản xuất thép, để đảm bảo chất lượng vật tư thiết bị mua sắm.

Create relationships with domestic and foreign suppliers in the field of steel production equipment, to ensure the quality of materials and procurement equipment.

3 Giải pháp quản trị sản xuất/ Production management solution

3.1 - Đối với sản xuất thép/ For steel production:

+ Phối hợp chặt chẽ với Chi nhánh Hải phòng để sản xuất ra các loại mác phôi có thành phần hợp kim phù hợp để giảm giá thành sản xuất thép và giảm khối lượng thép ngắn dài;

Communicate closely with Hai Phong Branch to produce all kinds of billet grades with suitable alloy composition to reduce steel production costs and reduce the volume of short and long steel.

+ Kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào như than và các vật tư sửa chữa để giảm giá thành tiêu hao than và các vật tư sửa chữa khác.

Strict control of inputs such as coal and repair materials to reduce the cost of coal consumption and other repair materials

+ Bám sát kế hoạch sản xuất, lập kế hoạch công việc và bố trí nhân lực phù hợp với từng loại sản phẩm đảm bảo hiệu quả công việc cao.

Implement strictly to production schedule, work plans and allocate human resources to suit each type of product to ensure high work efficiency.

+ Tăng cường kỷ luật công nghệ, tuân thủ các tiêu chuẩn thao tác để giảm tối đa các sự cố do chủ quan.

Strengthen technology discipline, compliance with Standard Operation Procedures to minimize troubles due to subjective.

+ Lập kế hoạch chi tiết bảo dưỡng thiết bị nhằm mục đích nâng cao tỉ lệ vận hành.

Making detailed schedule for maintenance of equipments for the purpose of improving operation ratio.

+ Tiếp tục duy trì hoạt động kiểm tra, giám sát công tác an toàn và BHLĐ ở các bộ phận.

Continuing to maintain inspection and supervision of occupational safety and labor insurance at all divisions.

3.2 - Đối với sản xuất phôi:

+ Tận dụng thời cơ, các yếu tố thuận lợi trên thị trường để gia tăng sản lượng sản xuất phôi, tăng lượng phôi cung cấp cho thị trường bên ngoài;

Taking advantage of the opportunities and factors in the market to increase the output of billets, increase the quantity of billets supplied to the outside market;

+ Tuân thủ các quy trình công nghệ, quy trình vận hành để giảm tối đa các sự cố do chủ quan.

Compliance with technological processes, operating procedures to minimize subjective problems.

+ Tiếp tục nghiên cứu tìm ra giải pháp tối ưu hóa hoạt động của thiết bị (chế độ vận hành điện, tốc độ nạp liệu,...) phù hợp với điều kiện nguyên liệu và hệ thống thiết bị dây chuyền hiện có của Chi nhánh...

Continue to research to find out solutions to optimize equipment operation (electric operation mode, feeding speed,...) in accordance with the existing raw material conditions and equipment system of branch ...

+ Lập kế hoạch chi tiết vận hành và bảo dưỡng thiết bị nhằm mục đích nâng cao tỉ lệ vận hành.

Make detailed plan for equipment operation and maintenance in order to improve the operating rate.

+ Tiếp tục duy trì tốt hoạt động kiểm tra, giám sát công tác an toàn và BHLĐ, việc thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp, nội quy, quy trình quy phạm về công tác an toàn lao động ở các bộ phận.

Continuing to maintain good inspection and supervision of occupational safety and labor insurance, strict implementation of measures, rules, and regulations on occupational safety at all divisions.

4 Giải pháp về tiêu thụ sản phẩm/ Product consumption solution

Để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh đã đề ra, trong năm 2021 VIS đề ra một số giải pháp cho công tác bán hàng và tiêu thụ sản phẩm như sau:

To ensure good implementation of the business plan set out, in 2021 VIS offers a number of solutions for sales and product consumption as follows:

- Tiếp tục bám sát tình hình thị trường, duy trì các chính sách bán hàng linh hoạt.

Continue to follow the market situation, maintain flexible sales policies

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thị trường (nhu cầu, giá cả, đối thủ cạnh tranh...) để đánh giá, phân tích đưa ra kế hoạch và giải pháp tiêu thụ đúng hướng và có hiệu quả;

Regularly update information on the market (demand, price, competitors ...) to evaluate, analyze and make consumption plans and solutions in the right direction and effectively;

- Đánh giá lại năng lực tài chính và nhu cầu phát triển của các khách hàng, tập trung vào những khách hàng truyền thống có tiềm lực tài chính. Tiếp tục hỗ trợ và phát triển các NPP có khả năng gia tăng sản lượng. Phát triển thêm NPP mới, đặc biệt là các NPP trong mảng công nghiệp, giao thông và hạ tầng.

Re-evaluate financial capacity and development needs of customers, focusing on traditional customers with financial potential. Continue to support and develop Distributors

capable of increasing production. Develop new Distributors, especially Distributors in the industrial, transport and infrastructure sectors

- Xây dựng mối quan hệ sâu rộng, mật thiết với các nhà thầu. Tập trung chăm sóc thường xuyên những Chủ đầu tư và Đại diện Chủ đầu tư đang triển khai những dự án lớn, trọng điểm quốc gia.

Build deep and close relationship with contractors. Focusing on regular care for Investors and Investor Representatives implementing large, national key projects

- Tiếp tục gia tăng sản lượng và số lượng các đại lý nhóm 2 và nhóm 3 theo hướng an toàn và phù hợp với năng lực tài chính của từng đại lý.

Continue to increase the output and the number of agents of group 2 and group 3 in a direction of safety and in accordance with the financial capacity of each agent.

- Nghiên cứu, tìm hiểu và nắm bắt các cơ hội thị trường ngoài nước nhằm đẩy mạnh sản lượng xuất khẩu phôi thép.

Research, explore and seize opportunities in foreign markets to boost the export volume of steel billets.

Trên đây là báo cáo của Công ty cổ phần Thép Việt - Ý về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, phê duyệt.

This is the report of Vietnam - Italy Steel Joint Stock Company on the results of the production and business activities in 2020, the plan in 2021 to submit the Annual general meeting of shareholders in 2021 to consider.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thank and best regards!

Nơi nhận/ Recipients:

- BOM (Report);
- Save: Filling unit.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Yoichi Hoshino